

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 15/12/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0088	Nguyễn Thị Hoài	11/05/2000				
2	TA0089	Vũ Thị Vân Anh	31/10/2000				
3	TA0090	Phạm Văn Danh	23/09/1999				
4	TA0091	Nguyễn Trọng Khánh	25/05/1999				
5	TA0092	Trần Thu Hằng	30/06/2000				
6	TA0093	Nguyễn Công Tùng	01/06/1999				
7	TA0094	Nguyễn Xuân Trường	09/12/1999				
8	TA0095	Lê Hoàng Dương	27/06/1999				
9	TA0096	Vũ Minh Tuyến	10/01/1999				
10	TA0097	Nguyễn Minh Dũng	05/01/1999				
11	TA0098	Lê Thị Ngọc Yến	06/01/1999				
12	TA0099	Vũ Thị Thu Phương	29/10/1999				
13	TA0100	Tổng Văn Thao	24/11/1999				
14	TA0101	Nguyễn Hồng Dương	04/04/1999				
15	TA0102	Đỗ Văn Luật Luật	20/03/1999				
16	TA0103	Nguyễn Phương Anh	17/08/1999				
17	TA0104	Trần Thị Thuý Linh	23/03/1999				
18	TA0105	Mai Thị Trà My	01/01/1999				
19	TA0106	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/01/1999				
20	TA0107	Nguyễn Thùy Linh	22/08/1999				
21	TA0108	Vũ Thị Quỳnh Anh	13/12/1999				
22	TA0109	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/09/1999				
23	TA0110	Nguyễn Văn Thành	28/12/1999				
24	TA0111	Phạm Tú Uyên	15/07/1999				
25	TA0112	Nguyễn Hồng Tâm	20/07/1999				
26	TA0113	Nguyễn Anh Thư	12/03/1999				

27	TA0114	Vương Tất Trường	01/07/1999				
28	TA0115	Nguyễn Việt Hoàng	23/08/1999				
29	TA0116	Phạm Nguyễn Nguyên	24/03/2021				
30	TA0171	Bùi Xuân Hiến	03/05/1987				
31	TA0172	Nguyễn Hồng Nhung	28/05/1999				
32	TA0173	Nguyễn Văn Út	11/07/1976				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)